

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC QUẢNG BÌNH

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018



MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	5 - 6
3. Báo cáo tài chính đã được soát xét	
- Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	7 - 8
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	9
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	10
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	11 - 29

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Số 81 Lý Thường Kiệt, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Quảng Bình (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Cấp nước Quảng Bình được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 3100130287 được chuyển đổi từ Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Quảng Bình do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp đăng ký thay đổi lần thứ 7 vào ngày 13 tháng 09 năm 2016. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

2. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính gồm các vị như sau:

Hội đồng quản trị	Chức vụ
Ông Lê Anh Dũng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Dũng	Ủy viên
Ông Lê Minh Chương	Ủy viên
Ông Lê Văn Nghĩa	Ủy viên
Ông Trần Văn Tiến	Ủy viên

Ban Kiểm soát

Ông Trần Văn Ban	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Nguyễn Đức Vũ	Thành viên
Ông Nguyễn Hữu Quang	Thành viên

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Văn Dũng	Giám đốc
Ông Lê Văn Nghĩa	Phó Giám đốc
Ông Lê Minh Chương	Kế toán trưởng

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở tại: Số 81 Lý Thường Kiệt, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Số 81 Lý Thường Kiệt, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được soát xét đính kèm.

5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty bị phản ánh sai lệch.

6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

7. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ hoạt động kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Số 81 Lý Thường Kiệt, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

8. Ý kiến của Ban Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30/6/2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ hoạt động kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Quảng Bình, ngày 14 tháng 8 năm 2018

THAY MẶT BAN GIÁM ĐỐC 
GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Dũng

Số: 08/2018/BCSX-PKF.NHN

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2018

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cấp nước Quảng Bình**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018 của Công ty Cổ phần Cấp nước Quảng Bình được lập ngày 14 tháng 8 năm 2018 bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018 được trình bày từ trang 7 đến trang 29 kèm theo.

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Quảng Bình chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

= 16 =
G
T
=

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Cấp nước Quảng Bình kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017 đã được soát xét bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

Đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



Chu Quang Tùng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số 1022-2018-242-1

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Số 81 Lý Thường Kiệt, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 30 tháng 06 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2018	01/01/2018
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		51.154.602.377	53.448.521.746
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	22.879.343.163	31.843.639.758
Tiền	111		9.879.343.163	6.843.639.758
Các khoản tương đương tiền	112		13.000.000.000	25.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	5.000.000.000	5.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		5.000.000.000	5.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		11.582.505.129	7.161.161.272
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	9.708.160.273	5.319.371.854
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.699.120.600	1.835.711.000
Phải thu ngắn hạn khác	136		258.110.000	27.777.259
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(82.885.744)	(25.292.627)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	3.593.786
Hàng tồn kho	140	5.4	11.030.614.740	8.256.866.066
Hàng tồn kho	141		11.487.677.110	8.713.928.436
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(457.062.370)	(457.062.370)
Tài sản ngắn hạn khác	150		662.139.345	1.186.854.650
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		89.553.944	227.161.445
Thuế GTGT được khấu trừ	152		554.655.851	632.684.921
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.10a	17.929.550	327.008.284
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		190.340.526.604	189.027.524.067
Các khoản phải thu dài hạn	210		335.715.000	335.715.000
Phải thu dài hạn khác	216		335.715.000	335.715.000
Tài sản cố định	220		168.578.910.771	176.950.365.649
Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	168.444.489.477	176.791.279.573
- Nguyên giá	222		340.757.594.508	339.715.099.754
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(172.313.105.031)	(162.923.820.181)
Tài sản cố định vô hình	227	5.7	134.421.294	159.086.076
- Nguyên giá	228		351.000.000	351.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(216.578.706)	(191.913.924)
Tài sản dở dang dài hạn	240	5.8	20.085.321.183	9.833.944.110
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		20.085.321.183	9.833.944.110
Tài sản dài hạn khác	260		1.340.579.650	1.907.499.308
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	1.340.579.650	1.907.499.308
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		241.495.128.981	242.476.045.813

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Số 81 Lý Thường Kiệt, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Ngày 30 tháng 06 năm 2018

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2018	01/01/2018
NỢ PHẢI TRẢ	300		62.926.605.275	64.682.734.487
Nợ ngắn hạn	310		23.209.238.793	22.306.715.157
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	5.215.095.537	3.695.195.718
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		136.342.450	135.327.500
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.10b	2.372.864.146	1.164.974.958
Phải trả người lao động	314		4.990.017.308	6.411.357.268
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.12	921.230.384	992.916.748
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	2.415.173.141	2.565.932.568
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.14a	5.317.305.695	5.317.305.695
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.15	1.322.125.430	1.800.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		519.084.702	223.704.702
Nợ dài hạn	330		39.717.366.482	42.376.019.330
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.14b	39.717.366.482	42.376.019.330
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		178.568.523.706	177.793.311.326
Vốn chủ sở hữu	410	5.16	178.568.523.706	177.793.311.326
Vốn góp của chủ sở hữu	411		172.302.040.000	172.302.040.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		172.302.040.000	172.302.040.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		1.048.166.996	813.166.996
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		5.218.316.710	4.678.104.330
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.412.876.728	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.805.439.982	4.678.104.330
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		241.495.128.981	242.476.045.813

Quảng Bình, ngày 14 tháng 8 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU



Lê Thị Thu Hà

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Lê Minh Chương

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Số 81 Lý Thường Kiệt, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	37.888.119.785	35.355.452.548
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		37.888.119.785	35.355.452.548
Giá vốn hàng bán	11	6.2	28.658.957.898	27.034.681.503
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		9.229.161.887	8.320.771.045
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	461.472.894	848.563.294
Chi phí tài chính	22	6.4	1.003.000.000	1.202.318.862
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>1.003.000.000</i>	<i>1.202.318.862</i>
Chi phí bán hàng	25	6.5	1.099.576.923	922.976.512
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	2.833.913.877	2.452.579.238
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.754.143.981	4.591.459.727
Thu nhập khác	31		2.655.996	2.762.413
Chi phí khác	32		-	820.544
Lợi nhuận khác	40		2.655.996	1.941.869
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.756.799.977	4.593.401.596
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.6	951.359.995	918.844.840
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.805.439.982	3.674.556.756
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.7	130	90
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		130	90

Quảng Bình, ngày 14 tháng 8 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU

Lê Thị Thu Hà

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Lê Minh Chương

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Số 81 Lý Thường Kiệt, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	44.249.174.530	40.797.500.483
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(19.012.281.024)	(10.664.296.997)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(13.884.849.590)	(13.212.281.000)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(1.074.686.364)	(1.194.114.408)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	-	(27.393.152)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	2.542.661.525	475.681.046
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(16.902.199.980)	(13.440.060.901)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(4.082.180.903)	2.735.035.071
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(2.684.935.738)	(6.166.653.466)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	461.472.894	848.563.294
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.223.462.844)	(5.318.090.172)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền trả nợ gốc vay	34	(2.658.652.848)	(2.658.652.848)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(1.119.963.260)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.658.652.848)	(3.778.616.108)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(8.964.296.595)	(6.361.671.209)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	31.843.639.758	43.846.290.945
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	22.879.343.163	37.484.619.736

Quảng Bình, ngày 14 tháng 8 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU



Lê Thị Thu Hà

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Lê Minh Chương

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Số 81 Lý Thường Kiệt, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Cấp nước Quảng Bình được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 3100130287 được chuyển đổi từ Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Quảng Bình do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp đăng ký thay đổi lần thứ 7 vào ngày 13 tháng 09 năm 2016.

Vốn điều lệ của Công ty là: 172.302.040.000 đồng (Một trăm bảy mươi hai tỷ, ba trăm linh hai triệu, không trăm bốn mươi nghìn đồng).

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2018 là 206 người (Ngày 31 tháng 12 năm 2017: 206 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất kinh doanh nước sạch tại các đô thị trên địa bàn tỉnh Quảng Bình

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng

3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 cho mục đích công bố thông tin.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Số 81 Lý Thường Kiệt, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty.

4.1 Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc Công ty phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.3 Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 01 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Số 81 Lý Thường Kiệt, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

4.5 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

4.5.1 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của Công ty như sau:

- | | |
|-----------------------------|-----------|
| - Nhà cửa vật kiến trúc | 05-20 năm |
| - Máy móc thiết bị | 03-20 năm |
| - Phương tiện vận tải | 15-15 năm |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03-05 năm |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Số 81 Lý Thường Kiệt, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

4.5.2 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Các phần mềm quản lý giám sát được trích khấu hao theo đường thẳng từ 5-6 năm.

4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, thuê giá trị gia tăng không được khấu trừ, chi phí thuê tài sản, chi phí sửa chữa thường xuyên và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

4.7 Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 01 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 01 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

4.8 Chi phí phải trả

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, chi phí cấp phép khai thác sử dụng nước mặt, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Số 81 Lý Thường Kiệt, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

4.9 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ là khoản tiền phải trả để mua lại cổ phiếu do Công ty đã phát hành và các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua lại này.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.10 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này:

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng. Thời điểm xác định doanh thu nước sạch là ngày xác nhận chỉ số công tơ được ghi trên hóa đơn tính tiền nước.
- (ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.
- (iv) Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.
- (v) Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.11 Giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của thành phẩm, dịch vụ bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Số 81 Lý Thường Kiệt, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

4.12 Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính, chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.13 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.14 Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Thuế GTGT của Công ty cho hoạt động cung cấp nước là 5%

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

4.15 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Số 81 Lý Thường Kiệt, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
Tiền mặt	757.673.810	1.092.875.251
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (*)	9.121.669.353	5.750.764.507
Các khoản tương đương tiền (**)	13.000.000.000	25.000.000.000
Cộng	22.879.343.163	31.843.639.758

(*) Chi tiết tiền gửi không kỳ hạn tại các ngân hàng như sau :

Ngân hàng	30/06/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
Ngân hàng TMCP Công thương – CN Quảng Bình	1.365.799.948	311.707.869
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Quảng Bình	4.354.348.569	2.701.209.231
Ngân hàng NN và Phát triển Nông thôn Việt Nam – CN Quảng Bình	1.536.595.561	1.227.968.414
Ngân hàng khác	1.864.925.275	1.509.878.993
Cộng	9.121.669.353	5.750.764.507

(**) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi tại ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Quảng Bình kỳ hạn 03 tháng với lãi suất từ 4,9%-5%/năm.

5.2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	30/06/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	5.000.000.000	5.000.000.000
Cộng	5.000.000.000	5.000.000.000

(*) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng tại các ngân hàng:

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Quảng Bình với số tiền 2.000.000.000 đồng có kỳ hạn 6 tháng, lãi suất 5,3%/năm.
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Quảng Bình với số tiền 3.000.000.000 đồng có kỳ hạn 6 tháng, lãi suất 5,3%/năm.

5.3. Phải thu của khách hàng

	30/06/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Phải thu tiền nước của khách hàng	9.708.160.273	5.319.371.854
Cộng	9.708.160.273	5.319.371.854

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Số 81 Lý Thường Kiệt, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

5.4. Hàng tồn kho

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc (VND)	Dự phòng (VND)	Giá gốc (VND)	Dự phòng (VND)
Nguyên liệu, vật liệu	11.450.736.043	457.062.370	8.681.072.232	457.062.370
Công cụ, dụng cụ	36.941.067	-	32.856.204	-
Cộng	11.487.677.110	457.062.370	8.713.928.436	457.062.370

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, giá trị hàng tồn kho không còn khả năng sử dụng do lỗi thời là 457.062.370 đồng. Công ty có chưa có kế hoạch xử lý đối với toàn bộ số vật tư trên.

5.5. Nợ xấu

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc (VND)	Giá trị có thể thu hồi (VND)	Giá gốc (VND)	Giá trị có thể thu hồi (VND)
Xí nghiệp chế biến Nông Thủy Hải sản Xuất khẩu	50.043.117	-	-	-
Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Quảng Bình	14.861.748	-	14.861.748	14.861.748
Công ty Xây dựng Lũng Lô	10.255.667	-	10.255.667	10.255.667
Đối tượng khác	7.725.212	-	175.212	175.212
Cộng	82.885.744	-	25.292.627	25.292.627

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Số 81 Lý Thường Kiệt, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

5.6 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc (VND)	Máy móc thiết bị (VND)	Phương tiện vận tải, truyền dẫn (VND)	Thiết bị dụng cụ quản lý (VND)	Cộng (VND)
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại ngày 01/01/2018	106.657.111.387	17.826.970.184	215.197.472.729	33.545.454	339.715.099.754
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	1.042.494.754	-	1.042.494.754
Số dư tại ngày 30/06/2018	106.657.111.387	17.826.970.184	216.239.967.483	33.545.454	340.757.594.508
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại ngày 01/01/2018	51.266.316.618	10.822.710.532	100.832.929.394	1.863.637	162.923.820.181
Khấu hao trong kỳ	2.271.244.710	872.003.209	6.242.682.385	3.354.546	9.389.284.850
Số dư tại ngày 30/06/2018	53.537.561.328	11.694.713.741	107.075.611.779	5.218.183	172.313.105.031
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2018	55.390.794.769	7.004.259.652	114.364.543.335	31.681.817	176.791.279.573
Tại ngày 30/06/2018	53.119.550.059	6.132.256.443	109.164.355.704	28.327.271	168.444.489.477

Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 39.462.578.714 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 16.319.910.868 đồng).

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, Công ty không có TSCĐ hữu hình sử dụng để thế chấp cầm cố.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Số 81 Lý Thường Kiệt, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

5.7 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Phần mềm quản lý (VND)	Cộng (VND)
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại ngày 01/01/2018	351.000.000	351.000.000
Số dư tại ngày 30/06/2018	351.000.000	351.000.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại ngày 01/01/2018	191.913.924	191.913.924
Khấu hao trong kỳ	24.664.782	24.664.782
Số dư tại ngày 30/06/2018	216.578.706	216.578.706
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2018	159.086.076	159.086.076
Tại ngày 30/06/2018	134.421.294	134.421.294

5.8 Tài sản dở dang dài hạn

	30/06/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
- XD Tuyến ống truyền dẫn nước sạch cấp nước cho các xã Phú Trạch, Hải Trạch và một số khu vực lân cận huyện Bố Trạch	4.002.159.234	3.428.672.800
- Cải tạo Hệ thống cấp nước khu du lịch Phong Nha-Kẻ Bàng	4.575.680.940	1.292.878.849
- Mạng cấp 3 TT Hoàn Lão Kiến Giang, TTNT Việt Trung Quảng Trạch 2018	680.830.391	-
- Mở rộng nâng cấp HTCN 5 xã và KCN Áng Sơn KDL nghỉ dưỡng sinh thái FLC	5.625.525.439	-
- Mở rộng mạng lưới phân phối mạng cấp 3 hệ thống cấp nước TP. Đồng Hới, Thị xã Ba Đồn, Thị trấn Đồng Lệ, Quy Đạt	-	563.018.802
- Mở rộng mạng lưới phân phối nước (mạng cấp 3) hệ thống cấp nước TP. Đồng Hới, thị trấn Hoàn Lão, thị trấn Quy Đạt Năm 2017	4.351.624.164	3.947.499.541
- Sửa chữa trụ sở văn phòng Công ty	243.931.727	-
- Các công trình khác	605.569.288	601.874.118
Cộng	20.085.321.183	9.833.944.110

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Số 81 Lý Thường Kiệt, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

5.9 Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị (VND)	Số có khả năng trả nợ (VND)	Giá trị (VND)	Số có khả năng trả nợ (VND)
- Công ty Cổ phần nhựa Đồng Nai	2.000.000.000	2.000.000.000	-	-
- Công ty CP ĐTPT Văn Giang	368.904.800	368.904.800	-	-
- Công ty Cổ Phần Nhựa Đồng Nai Miền Trung	-	-	2.872.260.763	2.872.260.763
- Phải trả các đối tượng khác	2.846.190.737	2.846.190.737	822.934.955	822.934.955
Cộng	5.215.095.537	5.215.095.537	3.695.195.718	3.695.195.718

5.10 Thuế và các khoản phải thu/phải trả Nhà nước

	30/06/2018		Số phải nộp trong năm (VND)		Số thực nộp/bù trừ trong năm (VND)		Số có khả năng trả nợ (VND)
	30/06/2018 (VND)	Số có khả năng trả nợ (VND)	Số phải nộp trong năm (VND)	Số thực nộp/bù trừ trong năm (VND)	01/01/2018 (VND)		
a. Các khoản phải thu							
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	327.008.284	327.008.284	-	327.008.284	-	
Thuế thu nhập cá nhân	17.929.550	-	-	17.929.550	-	-	
Cộng	17.929.550	327.008.284	327.008.284	17.929.550	327.008.284	327.008.284	
b. Các khoản phải trả							
Thuế thu nhập doanh nghiệp	624.351.711	951.359.995	951.359.995	327.008.284	-	-	
Thuế Thu nhập cá nhân	-	78.133.107	78.133.107	94.633.107	16.500.000	16.500.000	
Thuế tài nguyên	43.355.880	212.057.600	212.057.600	199.326.796	30.625.076	30.625.076	
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	306.081.795	306.081.795	322.182.774	16.100.979	16.100.979	
Các loại thuế khác	-	11.000.000	11.000.000	11.000.000	-	-	
Phí BVMT đối với nước thải	1.705.156.555	9.215.273.125	9.215.273.125	8.611.865.473	1.101.748.903	1.101.748.903	
Cộng	2.372.864.146	10.773.905.622	10.773.905.622	9.566.016.434	1.164.974.958	1.164.974.958	

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Số 81 Lý Thường Kiệt, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

5.11 Chi phí trả trước

	<u>30/06/2018</u> (VND)	<u>01/01/2018</u> (VND)
Dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	248.834.068	199.591.830
Chi phí bảo hiểm	13.840.513	5.249.835
Chi phí sửa chữa hệ thống dẫn nước và phần mềm quản lý	1.077.905.069	1.702.657.643
Cộng	<u>1.340.579.650</u>	<u>1.907.499.308</u>

5.12 Chi phí phải trả

	<u>30/06/2018</u> (VND)	<u>01/01/2018</u> (VND)
Ngắn hạn		
Trích trước chi phí lãi vay	921.230.384	992.916.748
Cộng	<u>921.230.384</u>	<u>992.916.748</u>

5.13 Phải trả khác

	<u>30/06/2018</u> (VND)	<u>01/01/2018</u> (VND)
Ngắn hạn		
Tài sản thừa chờ giải quyết	-	2.655.996
Kinh phí công đoàn	3.406.669	179.783.227
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.411.766.472	2.383.493.345
<i>Trong đó:</i>		
+ Ban QLDA CN & VS Thành phố Đồng Hới	577.959.004	577.959.004
+ Phí nước thải	754.167.839	821.649.712
+ Phải trả về tiền đặt cọc dự thầu của các nhà thầu	600.000.000	-
+ Cty TNHH MTV Khai thác CT Thủy lợi QB	-	251.895.000
+ Quỹ bảo vệ và phát triển rừng Quảng Bình	-	325.400.000
+ Phải trả, phải nộp khác	479.639.629	406.589.629
Cộng	<u>2.415.173.141</u>	<u>2.565.932.568</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Số 81 Lý Thường Kiệt, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

5.14 Vay và nợ thuê tài chính**a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	30/06/2018			01/01/2018		
	Giá trị (VND)	Số có khả năng trả nợ (VND)	Trong kỳ Tăng (VND)	Giảm (VND)	Giá trị (VND)	Số có khả năng trả nợ (VND)
Vay dài hạn đến hạn trả	5.317.305.695	5.317.305.695	-	-	5.317.305.695	5.317.305.695
Tổng	5.317.305.695	5.317.305.695			5.317.305.695	5.317.305.695

b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	30/06/2018			01/01/2018		
	Giá trị (VND)	Số có khả năng trả nợ (VND)	Trong kỳ Tăng (VND)	Giảm (VND)	Giá trị (VND)	Số có khả năng trả nợ (VND)
Vay dài hạn	45.034.672.177	45.034.672.177	-	2.658.652.848	47.693.325.025	47.693.325.025
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam -CN Quảng Bình (*)	45.034.672.177	45.034.672.177	-	2.658.652.848	47.693.325.025	47.693.325.025
Cộng	45.034.672.177	45.034.672.177		2.658.652.848	47.693.325.025	47.693.325.025
Phân loại sang vay ngắn hạn	(5.317.305.695)	(5.317.305.695)			(5.317.305.695)	(5.317.305.695)
Cộng	39.717.366.482	39.717.366.482			42.376.019.330	42.376.019.330

(*) Khoản vay tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam từ nguồn vốn vay ODA để thực hiện dự án “Nâng cấp cải tạo hệ thống cấp nước và vệ sinh các thành phố, thị xã” được ký kết lại giữa Bộ Tài chính và Công ty theo Hiệp định vay phụ ngày 28 tháng 8 năm 1997 và Phụ lục sửa đổi Hiệp định vay phụ ký ngày 28 tháng 04 năm 2008 với giá trị gốc vay là 69.904.158.089 đồng với thời hạn vay 25 năm, thời gian ân hạn là 05 năm, lãi suất 5%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Số 81 Lý Thường Kiệt, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (Tiếp theo)

	30/06/2018	01/01/2018
	(VND)	(VND)
Trong vòng một năm	5.317.305.695	5.317.305.695
Từ hai đến năm thứ năm	21.269.222.780	21.269.222.780
Sau năm năm	18.448.143.702	21.106.796.550
Cộng	45.034.672.177	47.693.325.025
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	5.317.305.695	5.317.305.695
Số phải trả sau 12 tháng	39.717.366.482	42.376.019.330

5.15 Dự phòng phải trả ngắn hạn

	30/06/2018	01/01/2018
	(VND)	(VND)
Dự phòng sửa chữa tài sản theo kế hoạch	1.322.125.430	1.800.000.000
Cộng	1.322.125.430	1.800.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Số 81 Lý Thường Kiệt, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

5.16 Vốn chủ sở hữu**a. Bảng biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu (VND)	Quỹ đầu tư phát triển (VND)	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (VND)	Cộng (VND)
Số dư tại ngày 01/01/2017	172.302.040.000	437.000.000	3.009.572.606	175.748.612.605
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	4.678.104.330	4.678.104.330
Tặng khác	-	226.166.996	-	226.166.996
Chia cổ tức	-	-	(1.119.963.260)	(1.119.963.260)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	150.000.000	(150.000.000)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(1.739.609.345)	(1.739.609.345)
Số dư tại ngày 01/01/2018	172.302.040.000	813.166.996	4.678.104.330	177.793.311.326
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	3.805.439.982	3.805.439.982
Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	235.000.000	(235.000.000)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	(3.030.227.602)	(3.030.227.602)
Số dư tại ngày 30/06/2018	172.302.040.000	1.048.166.996	5.218.316.710	178.568.523.706

(*) Theo theo Nghị quyết số 01/2018/NQ-HĐQT về việc Phương án phân phối lợi nhuận năm 2017 và kế hoạch cổ tức năm 2018 ngày 24 tháng 04 năm 2018 của Hội đồng Quản trị thông qua Đại hội đồng cổ đông quyết định phương án phân phối lợi nhuận 2017 và kế hoạch cổ tức năm 2018 của Công ty cụ thể: Quỹ Đầu tư Phát triển là 235.000.000 đồng; Quỹ khen thưởng, phúc lợi là 3.030.227.602 đồng; Phân chia cổ tức là 1.412.876.728 đồng (Công ty chưa thực hiện phân chia cổ tức 2017).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Số 81 Lý Thường Kiệt, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

b. Cổ phiếu

	30/06/2018	01/01/2018
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phần được phép phát hành	17.230.204	17.230.204
Số lượng cổ phần đã phát hành và góp vốn đầy đủ	17.230.204	17.230.204
+ Cổ phần thưởng	17.230.204	17.230.204
Số lượng cổ phần đang lưu hành	17.230.204	17.230.204
+ Cổ phần thưởng	17.230.204	17.230.204
Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/ 1 cổ phiếu		

5.17 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành hai bộ phận hoạt động là bộ phận hoạt động lắp đặt ống nhánh và bộ phận sản xuất và cung cấp nước sạch. Tuy nhiên, doanh thu của bộ phận lắp đặt ống nhánh chiếm tỷ lệ dưới 10% so với tổng doanh thu của cả Công ty (chi tiết trong thuyết minh số 6.1). Do đó, Công ty không thực hiện lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

Công ty có trụ sở đặt tại Số 81 Lý Thường Kiệt, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Đồng thời, Công ty hoạt động trong phạm vi tỉnh Quảng Bình và không có công ty con nào khác. Do đó, Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)
Doanh thu SX và cung cấp nước sạch	34.397.425.191	32.378.995.133
Doanh thu lắp đặt ống nhánh	3.438.309.985	2.863.080.920
Doanh thu khác	52.384.609	113.376.495
Cộng	37.888.119.785	35.355.452.548

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Số 81 Lý Thường Kiệt, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

6.2 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)
Giá vốn SX và cung cấp nước sạch	25.708.632.152	24.417.211.417
Giá vốn lắp đặt ống nhánh	2.906.900.818	2.463.811.854
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	3.593.786	-
Giá vốn của hoạt động khác	39.831.142	153.658.232
Cộng	28.658.957.898	27.034.681.503

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	461.472.894	848.563.294
Cộng	461.472.894	848.563.294

6.4 Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)
Lãi tiền vay	1.003.000.000	1.202.318.862
Cộng	1.003.000.000	1.202.318.862

6.5 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí lương quản lý	979.200.000	979.200.000
Chi phí vật liệu quản lý	257.316.047	197.374.004
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	176.717.892	158.882.701
Dự phòng phải các khoản phải thu khó đòi	57.593.117	-
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.363.086.821	1.117.122.533
Cộng	2.833.913.877	2.452.579.238
b) Các khoản chi phí bán hàng		
Chi phí vật liệu	1.099.576.923	922.976.512
Cộng	1.099.576.923	922.976.512

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Số 81 Lý Thường Kiệt, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

6.6 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.756.799.977	4.593.401.596
Các khoản điều chỉnh tăng	-	820.544
<i>Chi phí không được trừ</i>	-	820.544
Thu nhập chịu thuế	4.756.799.977	4.594.222.140
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập	951.359.995	918.844.840
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	951.359.995	918.844.840

6.7 Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)
Lợi nhuận/lỗ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.805.439.982	3.674.556.756
Trừ: Trích quỹ khen thưởng phúc lợi ước tính (*)	1.569.080.305	2.123.893.803
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.236.359.677	1.550.662.953
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	17.230.204	17.230.204
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	130	90

(*) Quỹ khen thưởng phúc lợi ước tính cho kỳ 06 tháng năm 2018 được tính bằng tỷ lệ Quỹ khen thưởng phúc lợi đã trích trên lợi nhuận sau thuế của năm 2017 tính cho 06 tháng trên Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2017 nhân với Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ 06 tháng đầu năm 2018.

6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.954.774.352	3.949.073.210
Chi phí nhân công	13.167.594.114	12.254.708.698
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.413.949.632	9.300.404.965
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.638.087.110	3.226.176.401
Chi phí khác bằng tiền	1.195.181.220	1.679.873.979
Tổng cộng	33.369.586.428	30.410.237.253

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Số 81 Lý Thường Kiệt, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

7 NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin về các bên liên quan

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát	979.200.000	811.200.000
Cộng	979.200.000	811.200.000

7.2 Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập Báo cáo này, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc cho rằng không có sự kiện nào khác có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

7.3 Thông tin so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017, số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017. Các báo cáo này đã được kiểm toán và soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tài chính Quốc tế.

Quảng Bình, ngày 14 tháng 8 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU

Lê Thị Thu Hà

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Lê Minh Chương

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Dũng